

Số: 1224/NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Căn cứ Quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 136/QĐ-TKV ngày 28/01/2019;

Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV kính mời các Quý công ty/đơn vị có năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV;
- Tên đơn hàng: Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm;
- Số hiệu đơn hàng: 01-2504/2024;
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời chào giá: từ thời điểm Hồ sơ mời chào giá được đăng tải trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (có địa chỉ: <http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty điện lực - TKV (có địa chỉ: <http://www.dienluctkv.vn>) đến trước 14 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024;

- Địa điểm phát hành Hồ sơ mời chào giá: Hồ sơ được phát hành miễn phí (đính kèm thông báo này) trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có địa chỉ: <http://www.vinacomin.vn>), website của Tổng công ty điện lực - TKV (có địa chỉ: <http://www.dienluctkv.vn>) hoặc tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh);

- Địa điểm nhận Hồ sơ chào giá: Văn phòng Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

- Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 14 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024;
- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh);

- Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp Hồ sơ chào giá tới tham dự lễ mở Hồ sơ chào giá vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCHC, KHVT.



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Đức

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

(được phát hành theo Thông báo mời chào giá số 1224/NĐĐT-KHVT ngày
06 / 5 / 2024 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

Tên đơn hàng: Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm
Số hiệu đơn hàng: 01-2504/2024

Tổ tư vấn lập
Hồ sơ mời chào giá
Tổ trưởng



Vũ Phú Cường

Bên mời chào giá
Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV
Giám đốc



Trần Quang Đức

Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
2. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp tham gia chào giá rộng rãi cung cấp vật tư theo đơn hàng “Mua sắm vật tư số 01-2504/2024 (Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm)”.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 08 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương);
3. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm:

Nhà cung cấp cam kết đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Đơn hàng: Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm.

4. Yêu cầu giấy phép bán hàng

Nhà cung cấp phải cung cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất hay giấy phép đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

b. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng

mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp có thể chào cho một hạng mục (chủng loại), một số hạng mục hoặc toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a. Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư hoặc các vị trí sản xuất khác trong Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

b. Thời gian giao hàng: Thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II. Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

3. Thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

c. Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị mỗi lô hàng cho Bên bán sau khi giao hàng đầy đủ, đảm bảo chất lượng và có đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

d. Bộ chứng từ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn GTGT;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
- Thư bảo lãnh bảo hành do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc hình thức khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thương thảo Hợp đồng (nếu có);

- Biên bản thanh, quyết toán hợp đồng.

4. Bảo hành:

a. Bên bán có trách nhiệm bảo hành miễn phí hàng hóa cho Bên mua trong thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II. Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hành kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư.

Trong thời hạn bảo hành, Bên bán phải thực hiện việc bảo hành trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày nhận được thông báo sửa chữa của Bên mua.

b. Nội dung công tác bảo hành:

16 ✓ 9 *[Signature]* 2

Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào có liên quan đến hàng hóa do Bên bán cung cấp, Bên bán phải sửa chữa/cấp mới thay thế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.

Trong trường hợp Bên bán không thực hiện trách nhiệm bảo hành hoặc thực hiện nhưng không đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng theo quy định, để đảm bảo sản xuất, Bên mua sẽ thực hiện công tác sửa chữa hoặc mua mới vật tư thay thế thì Bên bán phải chịu chi phí sửa chữa hoặc mua vật tư đó.

c. Bảo đảm bảo hành:

- Hình thức bảo đảm bảo hành: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc hình thức khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thương thảo Hợp đồng (nếu có).

- Giá trị bảo đảm bảo hành: 5% giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm bảo hành: Bảo đảm bảo hành có hiệu lực không thấp hơn thời gian yêu cầu bảo hành đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hành kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư.

5. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc (bản giấy) Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá

của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá, bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: **4.000.000 đồng** (bằng chữ: Bốn triệu đồng).

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá là 90 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

- Nhà cung cấp không được hoàn trả giá trị bảo đảm tham gia chào giá trong các trường hợp sau đây:

+ Nhà cung cấp có văn bản rút Hồ sơ chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá;

+ Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành ký kết hợp đồng khi được lựa chọn, trừ trường hợp bất khả kháng.

+ Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 12.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có),... theo Mẫu số 03, Chương III - Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm cả các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III - Biểu mẫu.

6. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III - Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) không muộn hơn 14 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn

16 ✓ 4

phòng Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

4 10 y hmc 5

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật. Hồ sơ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	Đặc tính kỹ thuật của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp	Có đặc tính, thông số kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có đặc tính, thông số kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
2	Nguồn gốc, xuất xứ của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp (chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được đặc tính kỹ thuật)	Hàng hoá chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ	Hàng hoá chào không thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ
3	Địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa (chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc, xuất	Có đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm a và b, Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về	Không đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm a và b, Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ

STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
	xứ)	thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá	sơ chào giá
4	Bảo hành	Có cam kết bảo hành, đáp ứng yêu cầu tại Khoản 4. Bảo hành, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá	Không có cam kết bảo hành, đáp ứng yêu cầu tại Khoản 4. Bảo hành, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá
5	Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng	Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu	Không có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu

4. Đánh giá về giá:

Đối với các Hồ sơ chào giá được đánh giá hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm thì sẽ được xem xét về giá đối với các hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

- Cách xác định đơn giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng chủng loại hàng hóa tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp.

Hồ sơ chào giá có đơn giá chào (đơn giá của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp) thấp nhất được xếp thứ nhất đối với hàng hóa đó.

Mục 11. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp vật tư khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

2. Có đơn giá chào đối với một phần hoặc toàn bộ hàng hóa được xem xét, đánh giá là thấp nhất và không vượt đơn giá dự toán được duyệt.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% tổng giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết 30 ngày sau ngày dự kiến hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng.

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

7 10 3 1000 2

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm
- Số hiệu đơn hàng: 01-2504/2024
- Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa:

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa				Ghi chú
			Khối lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bạc Nitrat	Chai	01	AgNO ₃ (100g/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
2	Hóa chất Glycerine	Chai	02	C ₃ H ₈ O ₃ AR (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
3	Hóa chất Kali iot, KI Tinh thể	Chai	02	KI AR (500g/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
4	Giấy lọc định lượng băng xanh	Hộp	05	Φ11 (100 tờ/hộp)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
5	Hóa chất Natri Hydroxit	Lọ	01	NaOH (500g/lọ)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
6	Iốt	Lọ	01	I ₂ AR (Lọ 250g)	30 ngày ngày kể từ ngày có	/	

Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa				Ghi chú
			Khối lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	
					thông báo cấp hàng		
7	Methylen blue	Lọ	02	$C_{16}H_{18}ClN_3S$ IND, AR (25g/lọ)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
8	Amoni chloride	Lọ	01	NH_4Cl AR (500g/lọ)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
9	Thủy ngân II clorua	Chai	01	$HgCl_2$ AR (500g/lọ)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
10	Hóa chất Amoni molyptate	Chai	03	$(NH_4)_6Mo_7O_{24} \cdot 4H_2O$ AR (500g/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
11	H_2SO_4 Axít sulfuric	Chai	40	H_2SO_4 , 98% AR (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
12	Hóa chất Paradimetylaminbenzandehit	Lọ	02	$C_9H_{11}NO$ AR (500g/lọ)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
13	Ống chuẩn	Ống	10	H_2SO_4 , 0.1N	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
14	Ống	Ống	10	HCl , 0.1N	30 ngày	/	

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa				Ghi chú
			Khối lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	
	chuẩn				ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng		
15	Ống chuẩn	Ống	10	NaOH, 0.1N	30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
16	Ống chuẩn	Ống	10	EDTA, 0.1N	30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
17	Ống chuẩn	Ống	10	Na ₂ S ₂ O ₃ , 0.1N	30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
18	Dung dịch độ dẫn tiêu chuẩn	Chai	12	84μs/cm (500ml/chai)	30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
19	Dung dịch độ dẫn tiêu chuẩn	Chai	12	12,88 mS/cm (500ml/chai)	30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
20	Dung dịch độ dẫn tiêu chuẩn	Chai	12	1413 μS/cm (500ml/chai)	30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
21	Chất chuẩn đo pH	Chai	12	pH 9.18 (500ml/chai)	30 ngày kể từ ngày có thông báo	/	

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa				Ghi chú
			Khối lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	
					cấp hàng		
22	Chất chuẩn đo pH	Chai	12	pH 6.86 (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
23	Chất chuẩn đo pH	Chai	12	pH 4.01 (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
24	Dung dịch hiệu chuẩn máy đo pH	Chai	12	pH 7.00 (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
25	Dung dịch hiệu chuẩn máy đo pH	Chai	12	pH 10.01 (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
26	Dung dịch chuẩn	Chai	02	SiO ₂ (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
27	Dung dịch hóa chất chuẩn Amonium	Chai	02	NH ₄ ⁺ (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
28	Dung dịch chuẩn	Chai	02	PO ₄ ³⁻ 1000ppm (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
29	Hóa chất Pyrogallic	Chai	04	C ₆ H ₃ (OH) ₃ AR (500g/chai)	30 ngày ngày kể từ	/	

9 16 7 10

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa				Ghi chú
			Khối lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	
	acid				ngày có thông báo cấp hàng		
30	Gói thuốc thử đo Clo dư	Hộp	20	Hanna HI93701-01; (1 hộp 100 gói x 0,12g)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
31	Giấy đo pH	Tập	10	Giải đo PH: 1÷14	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
32	Hóa chất Amonium . 25%	Chai	02	AR NH ₄ OH 25÷28% (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
33	HCl Axit clohydric	Chai	03	HCl 37% (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
34	Diisopropylamin C ₆ H ₁₅ N	Chai	01	C ₆ H ₁₅ N (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
35	Thuốc thử COD	Hộp	50	HI93754A-25 (25 ống/hộp)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
36	Thuốc thử amoni	Hộp	10	HI93715-01 (100 mẫu/hộp)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa				Ghi chú
			Khối lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	
37	Ethanol C ₂ H ₅ OH	Chai	02	C ₂ H ₅ OH 99% AR (500ml/chai)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
38	Vazelin	Lọ	01	500g/lọ	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	
39	Cân bàn điện tử	Cái	01	Mã hiệu: TPS300 (Tải trọng: 300kg; Độ chính xác: 50 (g)) của nhà sản xuất Ohaus (hoặc loại khác tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ)	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư	(*)
40	Thùng tôn đựng mẫu lưu	Cái	03	Dài 400, rộng 270, cao 170 (mm). Tôn dày 1mm	30 ngày ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/	

(*) Trong trường hợp nhà cung cấp chào khác sản phẩm được chọn làm chỉ dẫn tương đương về thông số kỹ thuật, nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh sản phẩm do mình đề xuất cung cấp là tương đương và đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật theo Hồ sơ mời chào giá.

Mục 2. Địa điểm và thời gian giao hàng

a) Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư hoặc các vị trí sản xuất khác trong Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

b) Thời gian giao hàng: Thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

(Handwritten signatures)

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm

Số hiệu đơn hàng: 01-2504/2024

Kính gửi: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng _____ [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Đơn hàng: Cung cấp hóa chất, công cụ, dụng cụ thí nghiệm.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

STT	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nhà sản xuất, Xuất xứ	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thuế suất GTGT (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Hàng hoá thứ 1						M1	
2	Hàng hoá thứ 2						M2	
...	
n	Hàng hoá thứ n						Mn	
Tổng cộng giá chào của hàng hoá chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							M=M1+M2+...+Mn	
Thuế, phí, lệ phí (nếu có)							
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư hoặc các vị trí sản xuất khác trong Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

b) Khối lượng giao nhận: Giao từng đợt theo nhu cầu thực tế của Bên Mua. Khi có nhu cầu sử dụng hàng hóa, Bên mua sẽ có văn bản thông báo cấp hàng cho Bên Bán.

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa: Bên bán phải thực hiện công tác vận chuyển, nâng hạ, bốc xếp hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua tại vị trí giao nhận.

2. Thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

c. Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị mỗi lô hàng trong vòng 45 ngày cho Bên bán sau khi giao hàng đầy đủ, đảm bảo chất lượng và có đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

d. Bộ chứng từ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn GTGT;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
- Biên bản thanh, quyết toán hợp đồng.

3. Bảo hành:

a. Bên bán có trách nhiệm bảo hành miễn phí hàng hóa cho Bên mua trong thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II. Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hành kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư.

Trong thời hạn bảo hành, Bên bán phải thực hiện việc bảo hành trong

vòng bảy (7) ngày kể từ ngày nhận được thông báo sửa chữa của Bên mua.

b. Nội dung công tác bảo hành:

Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào có liên quan đến hàng hóa do Bên bán cung cấp, Bên bán phải sửa chữa/cấp mới thay thế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.

Trong trường hợp Bên bán không thực hiện trách nhiệm bảo hành hoặc thực hiện nhưng không đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng theo quy định, để đảm bảo sản xuất, Bên mua sẽ thực hiện công tác sửa chữa hoặc mua mới vật tư thay thế thì Bên bán phải chịu chi phí sửa chữa hoặc mua vật tư đó.

c. Bảo đảm bảo hành:

- Hình thức bảo đảm bảo hành: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc hình thức khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thương thảo Hợp đồng (nếu có).

- Giá trị bảo đảm bảo hành: 5% giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm bảo hành: Bảo đảm bảo hành có hiệu lực không thấp hơn thời gian yêu cầu bảo hành đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hành kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư.

4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ,... của vật tư được chào giá.

4 16 2 VHK

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng: (Khối lượng thực tế giao nhận phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng của Bên mua. Khi có nhu cầu sử dụng, Bên mua sẽ gửi thông báo cấp hàng).

2. Nhà sản xuất:

3. Xuất xứ:

4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%.

5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: (Như Bảng kê chi tiết danh mục hàng hoá).

II. Hình thức hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

3. Bộ chứng từ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;

- Hóa đơn GTGT;

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;

- Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành;

- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hoá;

- Biên bản thanh, quyết toán hợp đồng.

IV. Giao hàng

1. Địa điểm giao nhận tại kho vật tư hoặc các vị trí sản xuất khác trong Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thời gian giao hàng: Thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp: Kiểm đếm trực tiếp.

- Địa điểm xác định khối lượng: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) hoặc địa điểm khác khi có yêu cầu của Bên mua.

4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp: Thông qua tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa của Bên bán hoặc thông qua một đơn vị giám định độc lập có chức năng theo yêu cầu của Bên mua.

- Địa điểm xác định chất lượng: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) hoặc địa điểm khác khi có yêu cầu của Bên mua.

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên bán phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi hợp đồng có hiệu lực.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết 30 ngày sau ngày dự kiến hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản nghiệm thu.